

Bản án số: 59/2023/HC-ST
Ngày 30 - 5 - 2023
V/v: “Khiếu kiện QĐ hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Công Sẻ
Ông Trần Quốc Thái

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Đại Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính sơ thẩm thụ lý số 249/2022/TLST-HC ngày 04-11-2022 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/QĐXXST-HC ngày 08-5-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/QĐST-HC ngày 24-5-2023, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1945. Địa chỉ số 360/3 Đường L, Phường 3, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. **Người bị kiện:**

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Địa chỉ số 01 Phạm Văn Đồng, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch (đề nghị giải quyết vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Phan Văn M - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,
- Bà Nguyễn Thị Thanh H - Chuyên viên Phòng Quản lý đất đai (ông M, bà H - vắng mặt).

2.2. Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Địa chỉ số 89 Đường L, phường 1, thành phố V.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Vũ T1 - Chủ tịch (đề nghị giải quyết vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Dương Bắc - Viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố Vũng Tàu (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1959 (cùng địa chỉ ông L - Có mặt)

3.2. Ông Trần Việt H2, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1954. Cùng địa chỉ số 63-65 Đường N, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:*

1. Hủy Quyết định số 7764/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố V về việc thu hồi 13,80 m² đất do ông (bà) Nguyễn Xuân L, Nguyễn Thị H1 đang sử dụng tại phường 3 để xây dựng công trình đường Thống Nhất (nối dài), thành phố V (viết tắt: *Quyết định số 7764*);

2. Hủy Quyết định số 7784/QĐ -UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1, địa chỉ số 360/3, đường L, phường 3, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường Thống Nhất (nối dài), thành phố V (viết tắt: *Quyết định số 7784*);

3. Hủy Quyết định số 2845/QĐ -UBND ngày 19/4/2022 của UBND thành phố V về việc thu hồi 16,10 m² đất của ông (bà) Nguyễn Xuân L, Nguyễn Thị H1 tại phường 3 để thực hiện dự án đường Thống Nhất (nối dài), thành phố V (viết tắt: *Quyết định số 2845*);

4. Hủy Quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1, địa chỉ số 360/1, đường L, phường 3, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường Thống Nhất (nối dài), thành phố V (viết tắt: *Quyết định số 2857*);

5. Hủy Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Xuân L, địa chỉ số 360/3, đường L, phường 3, thành phố V (viết tắt: *Quyết định số 2332*);

6. Hủy Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân L, địa chỉ: Số 360/3, đường L, phường 3, thành phố V (Lần hai) (viết tắt: *Quyết định số 3899*);

7. Buộc UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông L 9,6 m² căn nhà tại địa chỉ 360/3 và 12,10 m² và bồi thường toàn bộ vật kiến trúc tại địa chỉ 360/1, đường L, phường 3, thành phố V đất ở theo đúng qui định tại thời điểm thu hồi đất.

Căn cứ để khởi kiện:

1- Nhà đất tại địa chỉ 360/3 (số cũ 49D), đường L, phường 3, TP V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, do gia đình nhận chuyển nhượng từ ông Trần Việt H2 và đã được UBND tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 7201030013 cấp cho ông Trần Việt H2 và bà Nguyễn Thị T2 ngày 08/04/1995 với diện tích là 62,0 m² đất ở, diện tích sử dụng là 248,0 m² vào năm 1997 và được UBND thành phố xác nhận ngày 01/07/1998 tại Trang 3 của Giấy chứng nhận nêu trên. Khi nhận chuyển nhượng gia đình đã sử dụng để ở thì toàn bộ diện tích đất phía trước đã được xây dựng nhà liền kề trong ngõ, tiếp giáp đường hẻm. Khi đó, do Nhà nước dự kiến trừ mở rộng đường hẻm nên ông H2 và bà T2 không được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 9,6 m², mặc dù có đăng ký tại Sổ mục kê ruộng đất năm 1995 và Sổ đăng ký đất đai năm 1995 (mục đích sử dụng đất ở). Vì vậy, hai bên chỉ đứng ra giao nhận toàn bộ ranh nhà và đất sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn cản mà nay UBND TP V ra quyết định thu hồi và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ 4,20m², không bồi thường 9,6m².

2- Nhà đất tại địa chỉ 360/1 (số cũ 49C), đường L, phường 3, TP V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do gia đình ông Trần Việt H2 chuyển nhượng. Nhà đất được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất trên hồ sơ gốc số 11/1995 cấp cho Ông (Bà) Trần Việt H2, Nguyễn Thị T2 ngày 08/04/1995 có diện tích 30,90m² đất ở, diện tích sử dụng 148,0 m², xác nhận nhận chuyển nhượng ngày 14/12/1999. Hiện trạng nhà cửa và vật kiến trúc được xây dựng từ năm 1995. Thời điểm đó do nhà nước quy hoạch trừ việc mở rộng hẻm nên ông H2 và bà T2 chưa được công nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích khoảng 12,10m² mặc dù đã đăng ký. Vì vậy, hai bên đứng ra bàn giao toàn bộ ranh giới nhà đất sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn cản, nhưng nay UBND TP V ban hành quyết định thu hồi và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ 4,00 m², không bồi thường 12,10 m²; Không bồi thường nhà hoặc vật kiến trúc trên đất (chỉ hỗ trợ).

Căn cứ quy định của pháp luật thì gia đình thuộc đối tượng được bồi thường toàn bộ diện tích nhà đất nêu trên. Việc UBND thành phố V không bồi thường, hỗ trợ 9,60m² và 12,10 m²; không bồi thường nhà, vật kiến trúc cho gia đình là không đúng.

** Người bị kiện:*

1. UBND tỉnh B có văn bản với nội dung:

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Diện tích đất ông Nguyễn Xuân L - bà Nguyễn Thị H1 hiện đang sử dụng bị thu hồi là 13,8m², gồm 2 phần có nguồn gốc như sau:

+ Phần diện tích 4,2m² đất: Thuộc diện tích 62m² đất ở đã được UBND tỉnh B cấp GCNQSH nhà ở và QSD đất ở số 7201030013 ngày 08/4/1995 cho ông Trần Việt H2 - bà Nguyễn Thị T2, thửa 165 lô D, tờ bản đồ 01; diện tích xây dựng nhà ở là 62m² (diện tích sử dụng 248m²). Ngày 07/01/1998, ông H2 - bà T2 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Xuân L - bà Nguyễn Thị H1 được UBND thành phố V xác nhận. Ông L - bà H1 sử dụng ổn định từ đó đến nay.

+ Phần diện tích còn lại 9,6m² nằm ngoài diện tích đất được cấp giấy.

Phần diện tích 9,6m² này nằm trong tổng diện tích 489,0m² do ông Trần Việt H2 đứng tên kê khai, đăng ký tại Sổ Mục kê ruộng đất năm 1995, Sổ Đăng ký đất năm 1995 thửa đất số 165, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính Phường 3, loại đất “T”. Tuy nhiên, phần diện tích 9,6m² đất này lại nằm ngoài diện tích đất đã được UBND tỉnh B cấp GCNQSH nhà ở và QSD đất ở số 7201030013 ngày 08/4/1995 cho ông Trần Việt H2 - bà Nguyễn Thị T2, với diện tích là 62,0m² đất ở.

Theo Văn bản số 401/UBND-ĐC ngày 08/4/2021 của UBND Phường 3, có xác nhận như sau:

“- Về nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính đang lưu trữ tại UBND Phường 3 cho thấy:

Sổ Mục kê ruộng đất được UBND Phường 3 xác nhận vào tháng 01/1992 (không xác định được ngày ký), UBND thành phố V duyệt y vào ngày 20/8/1994 và Ban Quản lý đất đai phê duyệt ngày 12/6/1995, cho thấy: Thửa đất cũ số 165, tờ bản đồ cũ số 01, diện tích 489,0m², loại đất “T” do ông Trần Việt H2 đứng tên kê khai.

Sổ Đăng ký đất được UBND Phường 3 xác nhận (thiếu ngày, tháng, năm), UBND thành phố V duyệt y vào ngày 20/8/1994, Ban Quản lý đất đai phê duyệt ngày 12/6/1995, cho thấy: Ông Trần Việt H2 đứng tên đăng ký tại Thửa đất cũ số 165, tờ bản đồ cũ số 01, diện tích 489,0m², loại đất “T” thuộc Quyển số 01, Trang 138, Sổ thứ tự 236.

- Hiện trạng sử dụng: Hiện nay, phần diện tích đất 9,6m² được sử dụng làm sân (được xác định tại vị trí mép ngoài của Cửa sắt kính hiện hữu) do ông (bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1 được sử dụng từ thời điểm chuyển nhượng của ông Trần Việt H2 cho đến nay”

2. Quá trình thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường:

Ngày 31/12/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7764/QĐ-UBND về việc thu hồi 13,8m² đất của ông (bà) Nguyễn Xuân L- Nguyễn Thị H1.

Cùng ngày, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7784/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1. Diện tích đất thu hồi là 13,8m², trong đó bồi thường 4,2m²; không bồi thường 9,6m². Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 757.365.510 đồng.

3. Về nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Xuân L.

Ngày 07/01/1998, ông L nhận chuyển nhượng nguyên phần diện tích đất ở 62m², thuộc thửa 165 lô D, tờ bản đồ 01, từ ông Trần Việt H2 - bà Nguyễn Thị Trạ (diện tích đất này đã được UBND tỉnh B cấp GCNQSH nhà ở và QSD đất ở số 7201030013 ngày 08/4/1995). Phần diện tích 9,6m² đất không thuộc diện tích đất 62m² được cấp giấy, không thuộc diện tích đất ông H2 - bà T2 chuyển nhượng cho ông L (hiện là phần hiên nhà phía trước), cũng không do ông L - bà H1 khai hoang.

Tại buổi làm việc với Tổ xác minh Thanh tra tỉnh ngày 02/7/2021, ông L cho biết vào năm 1995, ông L mua từ ông Trần Việt H2 diện tích đất 72m² (bao gồm cả phần diện tích 9,6m² đất phía trước). Tuy nhiên, ông L không đưa ra được giấy tờ mua bán thể hiện có cả phần diện tích đất 9,6m² này.

Theo Khoản 3, Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định việc bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất; Căn cứ Khoản 4, Điều 82 Luật Đất đai 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất;

Căn cứ các quy định nêu trên thì phần diện tích đất 9,6m² không đủ điều kiện bồi thường. Do đó, nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Xuân L yêu cầu bồi thường phần diện tích 9,6m² đất thu hồi theo giá đất ở, là không có cơ sở để giải quyết.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu không chấp nhận yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B (về việc giải quyết khiếu nại lần hai) của ông L.

2. UBND Thành phố V có văn bản ý kiến như sau:

2.1. Quá trình sử dụng đất, thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường, giải quyết khiếu nại:

2.1.1. Nguồn gốc sử dụng nhà, đất tại địa chỉ số 360/3, đường L, phường 3, Tp Vũng Tàu:

Nhà, đất có nguồn gốc của ông (bà) Trần Việt H2 - Nguyễn Thị Trạ, đã được UBND tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201030013 ngày 08/4/1995, với diện tích là 62,0m² đất ở, diện tích xây dựng là 62,0m² thuộc thửa đất số 165 lô D, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính phường 3. Năm 1997, ông (bà) Trần Việt H2 - Nguyễn Thị T2 chuyển nhượng toàn bộ

nhà đất trên cho ông (bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1, được UBND phường 3 xác nhận ngày 04/12/1997 và được UBND thành phố V xác nhận chuyển nhượng ngày 07/01/1998, tại trang 3 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201030013 ghi nhận đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất ở là 62,0m² và diện tích nhà ở DTXD = 62,0m² cho ông (bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1.

Theo hồ sơ địa chính đang lưu trữ tại UBND phường 3:

+ Sổ Mục kê ruộng đất được UBND Phường 3 xác nhận vào tháng 01/1992 (không xác định được ngày ký), UBND thành phố V duyệt y vào ngày 20/8/1994 và Ban Quản lý đất đai phê duyệt ngày 12/6/1995, cho thấy: Thửa đất cũ số 165, tờ bản đồ cũ số 01, diện tích 489,0m², loại đất “T” do ông Trần Việt H2 đứng tên kê khai.

+ Sổ Đăng ký đất được UBND Phường 3 xác nhận (thiếu ngày, tháng, năm), UBND thành phố V duyệt y vào ngày 20/8/1994, Ban Quản lý đất đai phê duyệt ngày 12/6/1995, cho thấy: Ông Trần Việt H2 đứng tên đăng ký tại Thửa đất cũ số 165, tờ bản đồ cũ số 01, diện tích 489,0m², loại đất “T” thuộc Quyền số 01, Trang 138, Số thứ tự 236.

Phần diện tích 9,6m² đất ngoài diện tích ông(bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1 nhận chuyển nhượng ông (bà) Trần Việt H2 - Nguyễn Thị T2 thuộc đất do Nhà nước quản lý, do đó không đủ điều kiện bồi thường theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013.

- Hiện trạng sử dụng: Phần diện tích đất 9,6m² được sử dụng làm sân (được xác định tại vị trí mép ngoài của Cửa sắt kính hiện hữu), do ông (bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1 sử dụng từ thời điểm chuyển nhượng của ông Trần Việt H2.

- Việc thu hồi đất, bồi thường: Ngày 30/3/2020, UBND thành phố V ban hành Thông báo số 1646/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Đường Thống Nhất (nối dài), thành phố V (hộ ông Nguyễn Xuân L).

Ngày 31/12/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7764/QĐ-UBND về việc thu hồi 13,8m² đất do ông (bà) Nguyễn Xuân L, Nguyễn Thị H1 đang sử dụng tại phường 3 để xây dựng công trình Đường Thống Nhất (nối dài), thành phố V.

Cùng ngày 31/12/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7784/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1, do Nhà nước thu hồi đất nêu trên. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 757.365.510 đồng. Trong đó:

+ Bồi thường giá trị QSD đất: 4,2m² đất ở: 179.614.200 đồng (không bồi thường diện tích 9,6m² đất do Nhà nước quản lý theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013). Vị trí đất bồi thường:

Vị trí 2 - đường Loại 1 (đường L).

+ Bồi thường nhà, VKT do xây dựng năm 1995: 544.871.310 đồng; Các khoản bồi thường khác: 27.480.000 đồng Các khoản hỗ trợ khác: 8.400.000 đồng; Tái định cư/Đất ở mới: Không.

- Việc giải quyết khiếu nại:

Không đồng ý với Quyết định của UBND thành phố V, hộ ông (bà) Nguyễn Xuân L đã khiếu nại UBND thành phố V, yêu cầu: Bồi thường diện tích 9,6m² đất đã thu hồi theo giá đất ở.

Ngày 27/4/2021, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2332/QĐ-UBND Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Xuân L, bác nội dung khiếu nại của ông L và giữ nguyên Quyết định số 7784/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố V.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại trên, hộ ông(bà) Nguyễn Xuân L đã khiếu nại đến UBND tỉnh.

Ngày 15/11/2021, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 3899/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại (lần hai) ông Nguyễn Xuân L và đã bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân L.

2.1.2. Nguồn gốc nhà, đất tại số 360/1 L: Nhà, đất nhận chuyển quyền từ ông Trần Việt H2. UBND tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 11/1995 cho ông (bà) Trần Việt H2 - Nguyễn Thị T2 vào ngày 08/4/1995 đối với căn nhà tại địa chỉ số 49C, L với diện tích xây dựng 30,90m², diện tích đất 30,90m², diện tích sử dụng 148,0m², loại đất ở thuộc thửa đất cũ 165 lô C, tờ bản đồ cũ 01.

Ngày 14/12/1999, UBND thành phố V xác nhận việc ông(bà) Trần Việt H2 - Nguyễn Thị T2 đã chuyển nhượng nhà, đất nêu trên cho ông(bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1 sử dụng.

Ngày 07/01/2021, ông Nguyễn Xuân L có Bản tường trình về phần đất nhiều hơn trong chủ quyền, cụ thể: cạnh chiều ngang thửa đất tăng 0,7m so với pháp lý là 4,0m và đã được ông Trần Việt H2 xây dựng nhà 05 tầng vào thời điểm năm 1995.

Qua kiểm tra, đối chiếu giữa hồ sơ pháp lý thửa đất và Bản đồ thu hồi đất thì phần diện tích 16,10m thuộc một phần thửa đất cũ 165 (mới 14+261), trong đó:

+ Phần diện tích 4,0m² nằm trong diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận hồ sơ gốc 11/1995;

+ Phần diện tích còn lại 12,10m² nằm ngoài diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận nêu trên, nhưng nằm trong ranh đất do ông Trần Việt H2 đã kê khai, đăng ký tại Sổ mục kê ruộng đất 1995, Sổ đăng ký đất năm 1995.

Diện tích 12,10m² đất ngoài diện tích ông(bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1 nhận chuyển nhượng ông (bà) Trần Việt H2 - Nguyễn Thị Trụ thuộc đất do

Nhà nước quản lý, không đủ điều kiện bồi thường theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013.

- Việc thu hồi đất, bồi thường:

Ngày 19/4/2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2845/QĐ-UBND về việc thu hồi 16,10m² đất do ông (bà) Nguyễn Xuân L, Nguyễn Thị H1 đang sử dụng tại phường 3 để xây dựng công trình Đường Thống Nhất (nối dài), thành phố V.

Cùng ngày 19/4/2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2857/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 1.300.920.500 đồng. Trong đó:

+ Bồi thường giá trị QSD đất: 4,0m² đất ở: 168.204.000 đồng. (không bồi thường diện tích 12,10m² đất do Nhà nước quản lý theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013).

Vị trí đất bồi thường: Vị trí 2 - đường Loại 1 (đường L).

+ Hỗ trợ nhà, VKT do xây dựng năm 1995: 1.131.130.000 đồng; Bồi thường hoa màu: 686.500 đồng; Các khoản hỗ trợ khác: 900.000 đồng; Tái định cư/Đất ở mới: Không.

Theo hồ sơ lưu trữ thì hộ ông Nguyễn Xuân L không khiếu nại cấp có thẩm quyền đối với các quyết định liên quan căn nhà 360/1 L.

Việc ông L yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh hủy Quyết định số 7764/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố V về việc thu hồi 13,8m² đất (căn nhà 360/3 LHP); Quyết định số 7784/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường; Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là không có cơ sở.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà hoàn toàn đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chồng là ông Nguyễn Xuân L. Đề nghị Tòa án các cấp chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Ông Trần Việt H2 và bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Diện tích nhà đất tọa lạc tại số 360/1 và 360/3 đường L, phường 3, thành phố V hiện nay có nguồn gốc do gia đình sử dụng từ trước năm 1992, sau đó Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 08/4/1995. Năm 1998 và năm 1999, Ông Bà chuyển nhượng lại toàn bộ

diện tích nhà đất đã được cấp giấy cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân L, bà Nguyễn Thị H1.

Phần diện tích thu hồi ở phía trước hiên nhà nằm ngoài diện tích đã được cấp giấy, nhưng gia đình Ông Bà đã thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất tại UBND phường 3 năm 1992, được UBND Phường 3 xác nhận trong Sổ Đăng ký đất. Ông Bà sử dụng liên tục, ổn định đến khi chuyển nhượng cho ông L, bà H1 thì ông L, bà H1 tiếp tục sử dụng đến nay. Mặc dù diện tích này không nằm trong diện tích Ông Bà chuyển nhượng cho ông L bà H1, nhưng khẳng định phần diện tích đất này Ông Bà đã chuyển giao toàn bộ quyền sử dụng cho ông L bà H1 từ thời điểm chuyển nhượng.

Nay Ông Bà xác định không tranh chấp gì với ông L bà H1 đối với phần diện tích đất hiên nay UBND Thành phố V thu hồi, cũng như không tranh chấp gì về việc bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường Thống Nhất nối dài đối với khiếu nại của ông L.

Xin cam đoan toàn bộ lời khai là đúng sự thật. Nay vì lý do sức khỏe nên vợ chồng ông H2 bà T2 đề nghị Tòa án các cấp giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa;

+ Người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện về nội dung yêu cầu hủy 02 Quyết định thu hồi đất số 7764 và số 2845 của UBND thành phố V, còn các nội dung khác vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

+ Phía người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND thành phố V đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa vì vắng mặt Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh B.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Tuy nhiên, Người bị kiện chưa chấp hành tốt việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử là quá hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 130 và khoản 6 Điều 133 Luật tố tụng hành chính.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; áp dụng khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 74, Điều 75 của Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 12 Nghị định

47/2014/NĐ-CP; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

+ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L về yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 7764/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 2845/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND thành phố V. Do tại phiên tòa ông L đã rút yêu cầu khởi kiện đối với 02 quyết định này.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L về:

Hủy Quyết định số 7784/QĐ-UBND ngày 31-12-2020 của UBND thành phố V đối với phần diện tích không được bồi thường 9,60m².

Hủy Quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 19-4-2022 của UBND thành phố V đối với phần diện tích không được bồi thường 12,1m² cùng nhà và vật kiến trúc trên đất.

Hủy Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của Chủ tịch UBND thành phố V.

Hủy Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

+ Buộc Ủy Ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông Nguyễn Xuân L 9,6m² đất tại địa chỉ 360/3 và 12,1m² đất cùng toàn bộ vật kiến trúc tại địa chỉ 360/1 Đường L, phường 3, thành phố Vũng Tàu theo quy định.

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Phía người bị kiện phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng bị khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xác định đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 7764/QĐ-UBND ngày 31-12-2020 của UBND thành phố V (viết tắt: *Quyết định 7764*); Quyết định số 7784/QĐ-UBND ngày 31-12-2020 của UBND thành phố V (viết tắt: *Quyết định 7784*); Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 19-4-2022 của UBND thành phố V (viết tắt: *Quyết định 2845*); Quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 19-4-2022 của UBND thành phố V (viết tắt: *Quyết định 2857*); Quyết định số 2332/QĐ-UBND

ngày 27-4-2021 của Chủ tịch UBND thành phố V (gọi tắt: Quyết định 2332); Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 15-11-2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B (viết tắt: Quyết định 3899). Người khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định này, nên xác định, UBND thành phố V, Chủ tịch UBND thành phố V và Chủ tịch UBND tỉnh B là người bị kiện; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Việc khởi kiện của ông L còn thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

+ Người bị kiện, Chủ tịch UBND tỉnh B vắng mặt, nhưng đã có ý kiến bằng văn bản về vụ án gửi Tòa án và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh vắng mặt, nhưng đã được Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo mở lại phiên tòa lần thứ 2 hợp lệ.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng đã có ý kiến bằng văn bản về vụ án gửi Tòa án và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Căn cứ Điều 157, 158 Luật Tố tụng Hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Yêu cầu hoãn phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố V là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.4] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định:

Xét thấy, Quyết định của UBND thành phố V, của Chủ tịch UBND thành phố V và của Chủ tịch UBND tỉnh B được ban hành là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu hủy Quyết định số 7764 và Quyết định 2845:

Tại phiên tòa, người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện đối với các quyết định thu hồi đất số 7764 và số 2845 của UBND thành phố V.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông L là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật tổ tụng hành chính, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L đối với các quyết định thu hồi đất số 7764 và số 2845.

[2.2] Về yêu cầu hủy Quyết định số 7784, Quyết định số 2332 và Quyết định số 3899:

Nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, phía người bị kiện cho rằng đã ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường Thông Nhất (nối dài) đối với trường hợp hộ ông L là đúng pháp luật.

Tuy nhiên, theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ do các bên đương sự cung cấp thể hiện phần diện tích đất yêu cầu bồi thường có nguồn gốc như sau:

Nhà đất tại địa chỉ 360/3 (số cũ 49D), đường L, phường 3, TP V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, do ông L bà H1 nhận chuyển nhượng từ ông Trần Việt H2 và đã được UBND tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 7201030013 cấp cho ông H2 bà T2 ngày 08/04/1995 với diện tích là 62,0 m² đất ở, diện tích sử dụng là 248,0m² vào năm 1997 và được UBND thành phố xác nhận ngày 01/07/1998 tại Trang 3 của Giấy chứng nhận nêu trên. Khi nhận chuyển nhượng ông L bà H1 đã sử dụng để ở và toàn bộ diện tích đất phía trước đã được xây dựng nhà liền kề, tiếp giáp đường hẻm. Khi đó, do Nhà nước dự kiến trừ đất mở rộng đường hẻm nên ông H2 và bà T2 không được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 9,6 m², mặc dù có đăng ký tại “*Sổ mục kê ruộng đất*” năm 1992 và “*Sổ đăng ký đất đai*” năm 1995 (mục đích sử dụng đất ở). Vì vậy, hai bên chỉ đứng ra giao nhận toàn bộ ranh nhà và đất sử dụng ổn định từ đó đến nay (25 năm) không ai tranh chấp, không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ngăn cản, xử lý. Phía Ủy ban cho rằng diện tích đất này do Nhà nước quản lý, nhưng không chứng minh được việc Nhà nước quản lý bằng hồ sơ, sổ sách và thực hiện báo cáo hàng năm của UBND phường và UBND thành phố đối với diện tích đất này. Trong khi đó, người chuyển nhượng đất hoàn toàn đồng ý để gia đình ông L quản lý, sử dụng và nhận số tiền bồi thường khi thu hồi đất.

Như vậy, căn cứ quy định tại Điều 74 và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; quy định tại Khoản 3, Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định việc bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất. Cụ thể:

“3. Nếu diện tích đất đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi có đất xác nhận diện tích nhiều hơn là do khai hoang

hoặc nhận chuyển quyền của người sử dụng đất trước đó, đất đã sử dụng ổn định và không có tranh chấp thì được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế”.

Trường hợp thu hồi đất của gia đình ông L UBND TP V phải ra quyết định thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích đất 13,80m² và tài sản có trên đất chứ không phải chỉ bồi thường 4,20m² đã được cấp GCNQSD đất. Việc UBND TP V cho rằng, do không được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 9,6 m² (mặc dù có thừa nhận đất có đăng ký tại “*Sổ mục kê ruộng đất*” năm 1992 và “*Sổ đăng ký đất đai*” năm 1995 (mục đích sử dụng đất ở)) để không bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông L là không đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về yêu cầu hủy Quyết định số 2857:

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía người bị kiện cho rằng đã ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường Thống Nhất (nối dài) đối với trường hợp hộ ông L là hoàn toàn đúng pháp luật.

Tuy nhiên, phần diện tích đất yêu cầu bồi thường do thu hồi có nguồn gốc như sau: Nhà đất tại địa chỉ 360/1 (số cũ 49C), đường L, phường 3, TP V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do gia đình ông Trần Việt H2 chuyển nhượng và được UBND tỉnh chấp nhận cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất trên hồ sơ gốc số 11/1995, cấp cho Ông (Bà) Trần Việt H2 - Nguyễn Thị T2 ngày 08/04/1995 diện tích 30,90m² đất ở, diện tích sử dụng 148,0 m², xác nhận chuyển nhượng ngày 14/12/1999. Hiện trạng nhà cửa và vật kiến trúc được xây dựng từ năm 1995. Thời điểm đó do nhà nước quy hoạch trừ mở rộng hẻm nên ông H2 và bà T2 không được công nhận trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích khoảng 12,10m² mặc dù đã đăng ký kê khai trong sổ mục kê từ năm 1992. Vì vậy, hai bên chỉ đứng ra bàn giao toàn bộ ranh giới nhà đất sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn cản, xử lý.

Ngày 19-4-2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2845 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1. Theo quyết định thu hồi 16.10m², nhưng chỉ chấp nhận bồi thường 4,00m² đất còn 12,10m² không được bồi thường do diện tích không bồi thường là 12.10m² do đất không thuộc diện tích chuyển nhượng, không thuộc giấy đã cấp.

Xét thấy, diện tích 12.10 m² được vợ chồng ông H2 đăng ký tại “*Sổ mục kê ruộng đất*” năm 1992 và “*Sổ đăng ký đất đai*” năm 1995 (mục đích sử dụng đất ở). Tuy nhiên, do Nhà nước dự kiến trừ đất mở rộng đường hẻm nên ông H2 và bà T2 không được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đất đó vẫn thuộc sự quản lý, sử dụng của gia đình ông H2 và không có nghĩa là diện tích đất

này thuộc quản lý của Nhà nước Vì vậy, hai bên chỉ đứng ra giao nhận toàn bộ ranh nhà và đất sử dụng ổn định từ đó đến nay (24 năm) không ai tranh chấp, không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ngăn cản, xử lý. Khi nhận chuyển nhượng ông L bà H1 đã sử dụng để ở và toàn bộ diện tích đất phía trước đã được xây dựng nhà liền kề, tiếp giáp đường hẻm. Hiện nay ông H2 bà T2 cũng xác nhận điều đó và không có tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này.

Căn cứ quy định tại Điều 74 và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; quy định tại Khoản 3, Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định việc bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với trường hợp diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất như đã phân tích tại phần 2.2 nêu trên.

Trường hợp thu hồi đất của gia đình ông L UBND TP V phải ra quyết định thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích đất 16.10m² và tài sản có trên đất chứ không phải chỉ bồi thường 4.00m² đã được cấp GCNQSD đất. Việc UBND TP V cho rằng, do không được ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 12.10 m² (mặc dù có thừa nhận đất có đăng ký tại “*Sổ mục kê ruộng đất*” năm 1992 và “*Sổ đăng ký đất đai*” năm 1995 (mục đích sử dụng đất ở)) để không bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông L là không đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2232 của Chủ tịch UBND thành phố V và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 3899 của Chủ tịch UBND tỉnh B; Hủy một phần Quyết định số 7784 của UBND thành phố V; Hủy một phần Quyết định số 2857 của UBND thành phố V. Buộc UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông Nguyễn Xuân L 9,6m² đất tại địa chỉ 360/3 và 12,1m² đất cùng toàn bộ vật kiến trúc trên đất tại số nhà 360/1 đường L, phường 3, Tp V.

theo biên bản kiểm đếm, thống kê tài sản ngày 25/6/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc UBND thành phố V lập, theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu bồi thường đất bị thu hồi theo giá đất ở:

Nhận thấy, Thửa đất của ông L có tên trong “*Sổ Mục kê*”, “*Sổ Đăng ký đất*” trước ngày 15/10/1993 ghi là loại đất “T”.

Căn cứ quy định của Luật Đất đai; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh BR-VT thì UBND thành phố V có trách nhiệm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết 1.200.000 đồng, người khởi kiện tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật tổ tụng hành chính,

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L về yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 7764/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 2845/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND thành phố V.

Căn cứ Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2232/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 của Chủ tịch UBND thành phố V và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 3899/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B đối với khiếu nại của ông L.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L, hủy phần nội dung “*Diện tích đất không bồi thường: 9,60m²*” tại Điều 1 Quyết định số 7784/QĐ-UBND ngày 31-12-2020 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1 do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường Thống nhất (nối dài), thành phố V.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L, hủy phần nội dung “*Diện tích đất không bồi thường: 12,10m²*” và phần “*Không bồi thường phần nhà, vật kiến trúc do xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường theo Điều 92 Luật Đất đai 2013*” tại Điều 1 Quyết định số 2857/QĐ-UBND ngày 19-4-2022 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Nguyễn Xuân L - Nguyễn Thị H1 do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường Thống nhất (nối dài), thành phố V.

4. Buộc Ủy Ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật đối với việc thu hồi và bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia

đình ông Nguyễn Xuân L diện tích 9,6m² đất tại địa chỉ số 360/3 và 12,1m² đất cùng toàn bộ vật kiến trúc trên diện tích đất này tại địa chỉ số 360/1 Đường L, phường 3, thành phố V

5. Về án phí: UBND thành phố V, Chủ tịch UBND thành phố V và Chủ tịch UBND tỉnh B, mỗi đương sự phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Ngọc Thiện